

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/DS-ST

Ngày: 31/10/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.
2. Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 237 ấp Kinh Ngang, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Bà T có mặt).

*** Bị đơn:** Bà **Lâm Thị Q**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S (Bà Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2019, bà T có cho bà Lâm Thị Q vay số tiền là 65.500.000 (Sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng, lãi suất vay là 2%/tháng, thời hạn vay là khi nào cần thiết thì bà T sẽ lấy lại, mục đích vay là để bà Q trả nợ cho Ngân hàng vì đã đến hạn. Hai bên có lập thành “Tờ thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay” ngày 01/12/2019.

Khi vay tiền thì bà Q có giao cho bà T:

1/ Bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 584490, diện tích là 1.416 m², tại thửa đất số 700, tờ bản đồ số 01;

2/ Bản photo giấy chứng nhận QSD đất số AP 584491, diện tích là 1.637 m², tại thửa đất số 7642, tờ bản đồ số 01.

Hai thửa đất cùng tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

Sau khi vay tiền của bà T thì bà Q không đóng lãi như đã thỏa thuận.

Sau đó, bà T có gặp bà Q, nhưng bà nói là không có tiền trả và nói khi nào Ngân hàng phát mãi hai thửa đất trên thì sẽ trả tiền cho bà T, nhưng bà T không đồng ý. Cho đến nay, bà Q vẫn chưa trả nợ cho bà T.

Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc bà Lâm Thị Q phải có nghĩa vụ trả tiền vốn gốc 65.500.000 đồng;

2/ Buộc bà Lâm Thị Q phải có nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn bà Lâm Thị Q không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 15/TB-TLVA ngày 06 tháng 02 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lâm Thị Q nhưng bà không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Lâm Thị Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Trong vụ án này, nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Q trả cho bà số tiền vay gốc 65.500.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử

sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2]. Bị đơn bà Lâm Thị Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[1.3]. Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn có nộp cho Tòa án chứng cứ là “Tờ thế chấp tài sản để đảm bảo nợ vay” đề ngày 01/12/2019 với nội dung là bà Q thế chấp cho bà T hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo) để vay số tiền 65.500.000 đồng. Tòa án đã thông báo và gửi bản sao cho bà Q biết về tài liệu, chứng cứ này nhưng bị đơn không phản đối. Do đó, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Vào ngày 01/12/2019, bà Lâm Thị Q có vay của bà Trần Thị T số tiền 65.500.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng. Từ khi vay cho đến nay, bà Q không trả vốn và trả lãi cho bà T. Khi vay tiền, bà Q có đưa cho bà T hai bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích là đảm bảo khoản nợ vay. Hai bên có làm “Tờ thế chấp tài sản để đảm bảo nợ vay” vào ngày 01/12/2019.

[2.2]. Xét Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”. Do đó, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (Tương ứng 24%/năm) là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, bà T chỉ yêu cầu bị đơn trả mức lãi suất 1,66%/tháng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi được tính như sau:

[2.3]. Tiền lãi từ ngày 01/12/2019 – 31/10/2023: 46 tháng 29 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng:

[2.4]. $65.500.000 \text{ đ} \times 1,66\% \times 46 \text{ tháng} + [(65.500.000 \text{ đ} \times 1,66\%): 30] \times 29 = 51.066.857 \text{ đ}.$

[2.5]. Tổng cộng tiền gốc và lãi: 116.566.857 đồng ($65.500.000 \text{ đ} + 51.066.857 \text{ đ}$).

[2.6]. Về hai tờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) mà bà Q đưa cho bà T với mục đích là đảm bảo khoản nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T giữ hai tờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) của bà Q là chỉ là giữ để làm tin chứ không có ý nghĩa gì vì đây là bản photo.

[2.7]. Việc bà Lâm Thị Q không trả vốn và lãi cho bà T là vi phạm thỏa thuận và vi phạm quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị Q thanh toán toàn bộ tiền gốc, tiền lãi là có căn cứ.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

+ Buộc bà Lâm Thị Q phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 116.566.857 đồng (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng) (Trong đó tiền gốc là 65.500.000 đồng, tiền lãi là 51.066.857 đồng).

+ Kể từ ngày 01/11/2023, bà Lâm Thị Q còn phải trả lãi cho bà Trần Thị T theo mức lãi suất 1,66%/tháng trên số nợ gốc cho đến khi bà Q trả hết nợ cho bà T.

- Về án phí:

+ Buộc bị đơn bà Lâm Thị Q phải chịu 5.828.343 đồng (Năm triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn bà Trần Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Lâm Thị Q thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhân:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc T